

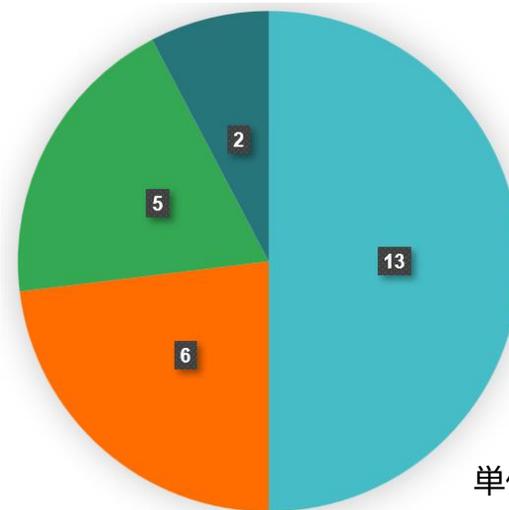
株式会社ヤヨイサンフーズ 長岡工場様

特定技能人材の満足度調査結果

実施期間：2024年3月12日～3月22日
対象：特定技能生27名
回答者数：特定技能生25名
回答率：92.5%

あさひねっと協同組合

《所属部署》

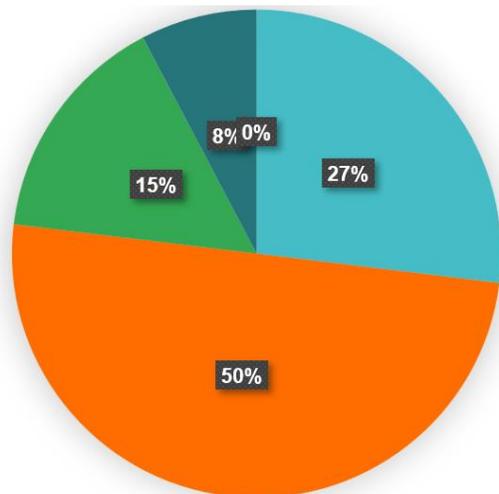


単位:人

- Gyoza(ギョーザ)
- Harumaki(春巻き)
- Menchi(メンチ)
- Hamburg(ハンバーグ)

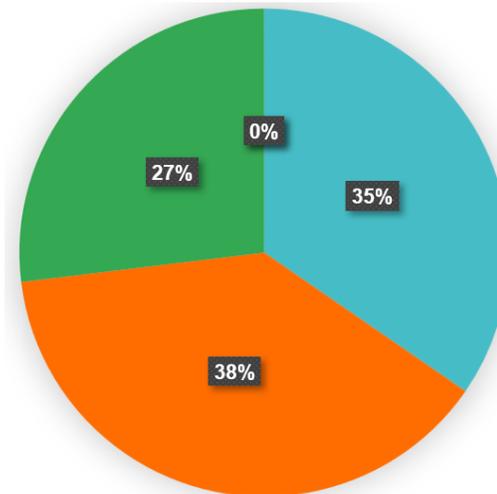
仕事に関することについて教えてください。

Q. 自身の仕事にやりがいを感じている。



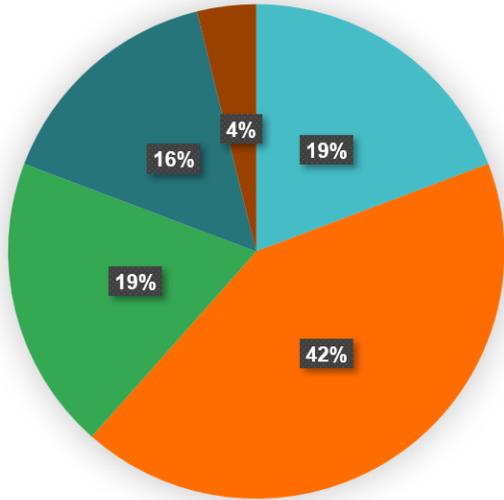
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. 仕事内容が自分の適性に合っていると感じる。



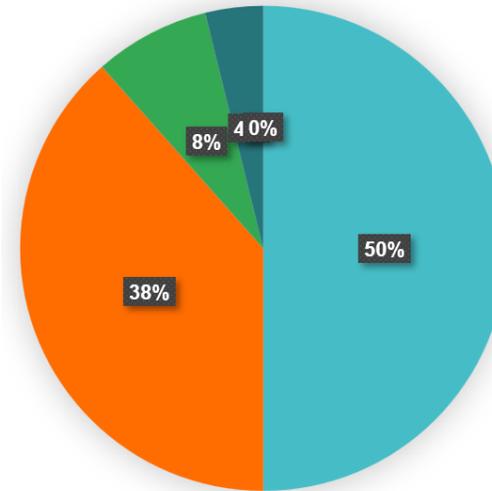
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. 仕事がおもしろいと感じ、興味がわく。



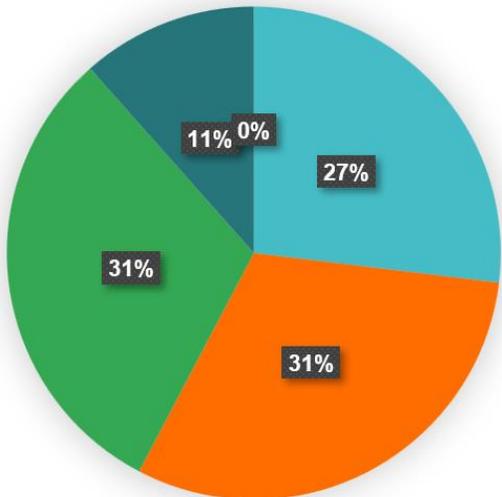
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. 自身の仕事が会社のためになっていると感じる。



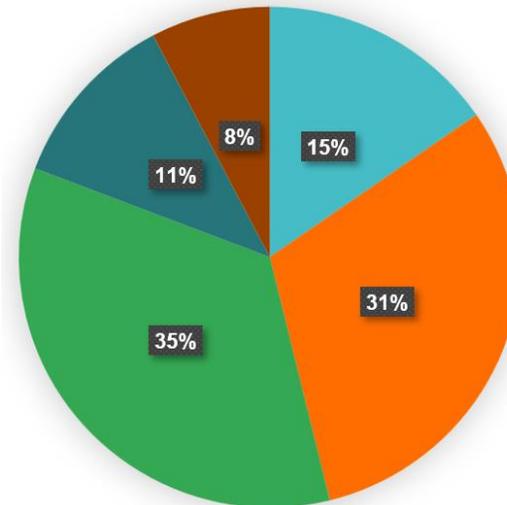
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. 自分の仕事が適正に評価を受け、認められていると感じる。



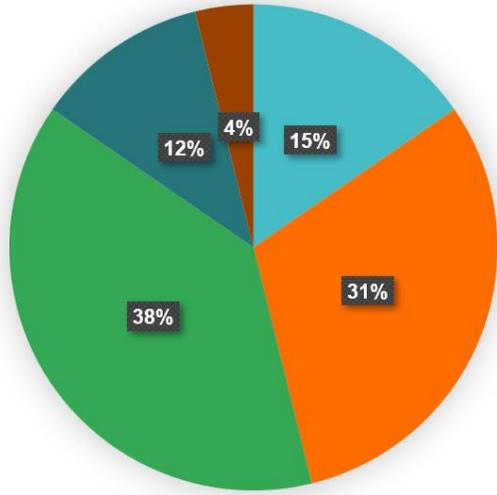
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. スキルや能力が身に着けられる仕事だと感じる。



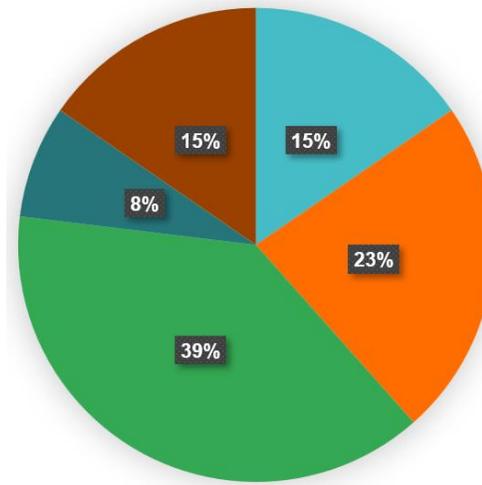
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. 現在の仕事で自分自身が成長できていると感じる。



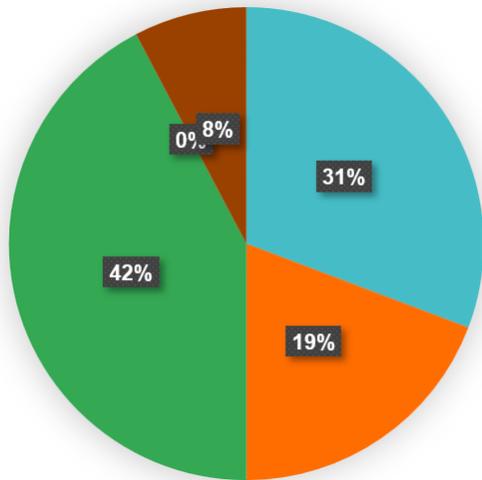
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp (まったく当てはまらない)

Q. 将来的にリーダーなど役職者になりたいと感じる。



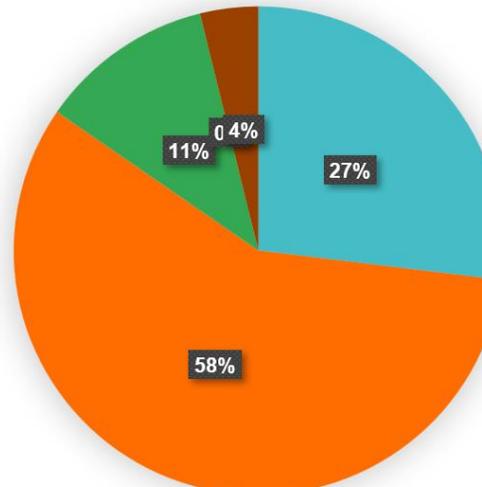
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp (まったく当てはまらない)

Q. 将来的に特定技能2号になり、当工場で長く働きたいと感じる。



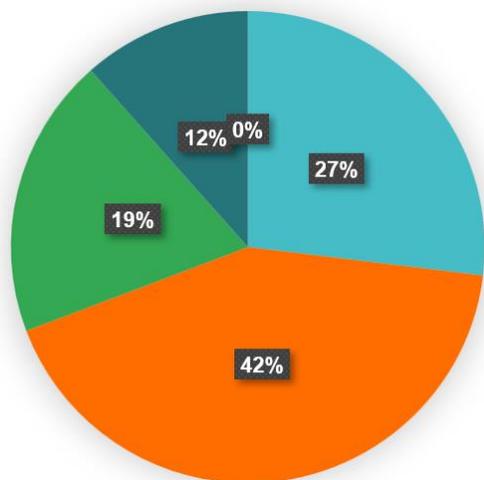
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp (まったく当てはまらない)

Q. 仕事で困ったときに、フォローしてくれる人が周囲にいる



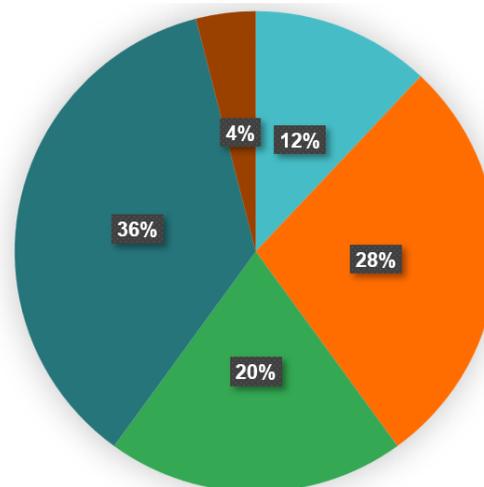
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp (まったく当てはまらない)

Q. 勤務時間や仕事の強度が負担にならないようにする配慮を感じる。



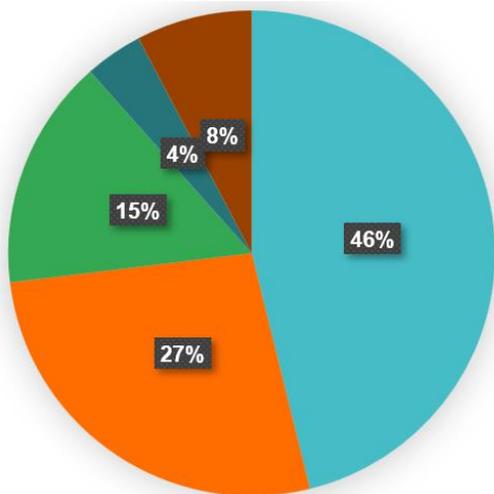
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q.業務において精神的・体力的に余裕があると感じる。



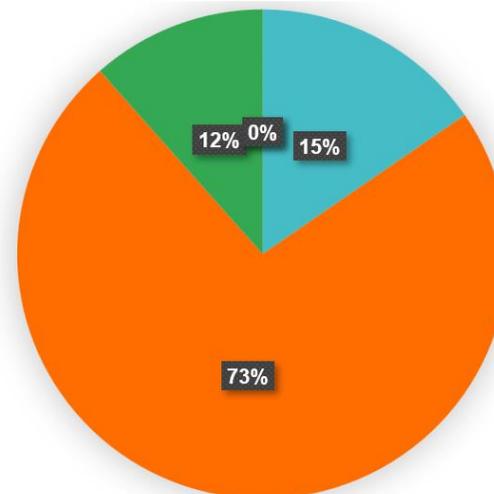
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. イジメやセクハラ、パワハラ等のハラスメントがない環境と感じる。



- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

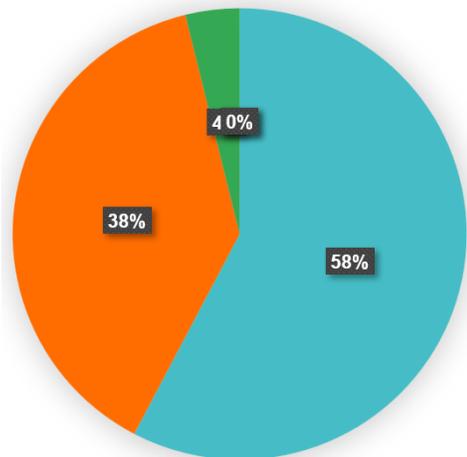
Q. 所属部署内ではうまくコミュニケーションができています。



- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

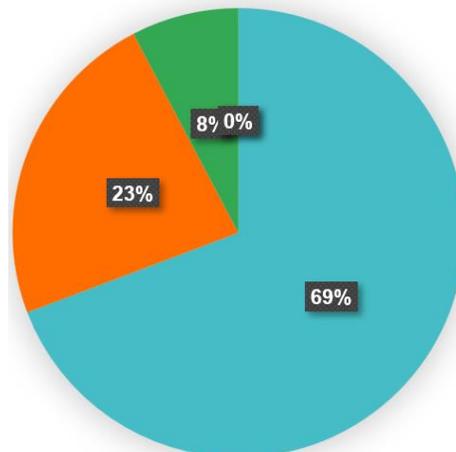
生活に関することについて教えてください。

Q. 宿舎について、衛生的かつ健康的な生活ができていると感じる。



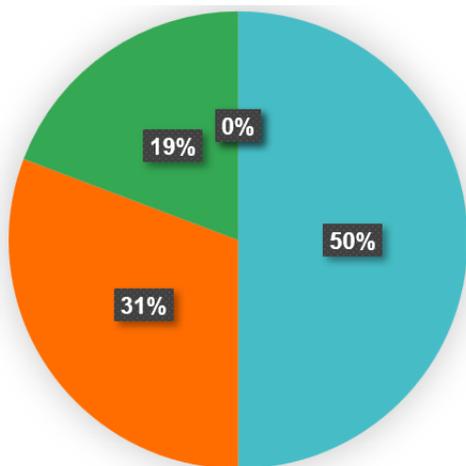
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. 私生活において、ルームメイトと良好な関係が築けていると感じる。



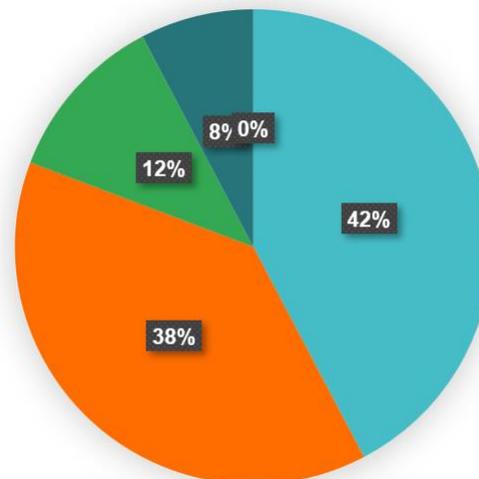
- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

Q. 組合から日本語力向上に向けた支援があったら積極的に利用したいと感じますか？



- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

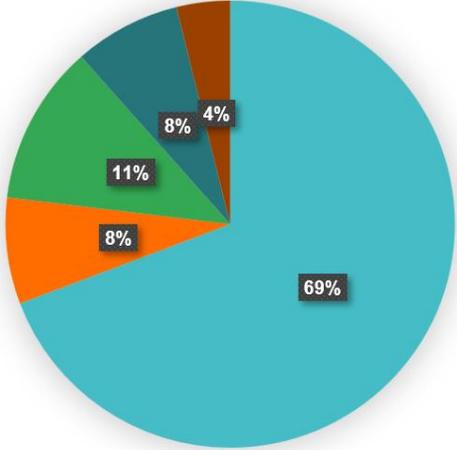
Q. 会社および組合と個別面談の機会があれば利用したいと感じる。



- Rất phù hợp(とても当てはまる)
- Hơi phù hợp(まあ当てはまる)
- Không rõ(どちらとも言えない)
- Không hơi phù hợp(あまり当てはまらない)
- Hoàn toàn không phù hợp(まったく当てはまらない)

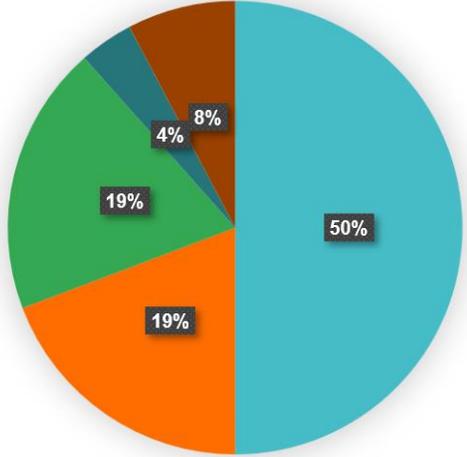
満足度について教えてください。

Q. 当工場に入社するにあたり一番の決め手となった要因は次のうちどれですか？



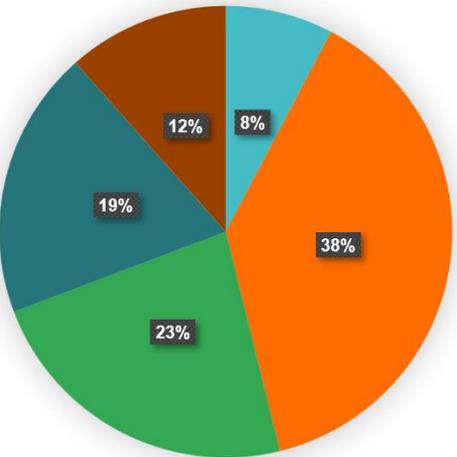
- Mức thu nhập (収入)
- Thời gian làm việc (勤務時間)
- Nội dung công việc (作業内容)
- Địa điểm (場所)
- Khác (その他)

Q. 入社する前と後で一番イメージと異なったものは次のうちどれですか？



- Mức thu nhập (収入)
- Thời gian làm việc (勤務時間)
- Nội dung công việc (作業内容)
- Địa điểm (場所)
- Khác (その他)

Q. 総合的に当工場の満足度を5段階で評価してください。



- 5: Muốn làm việc càng lâu càng tốt. (可能な限り長く働きたい)
- 4: Nếu không có thay đổi trong môi trường làm việc, tôi muốn làm việc lâu dài. (環境の変化がなければ、長く働きたい)
- 3: Không rõ. (どちらとも言えない。)
- 2: Nếu có công ty với điều kiện tốt hơn, tôi muốn chuyển việc. (待遇が良い会社があれば転職したい。)
- 1: Đang xem xét việc nghỉ việc trong vòng 6 tháng. (半年以内に退職を考えている。)